

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS - ST
Ngày 24 - 3 - 2021
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tám.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Trần Văn Huân
2. Bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST - DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn L – Luật sư; Văn Phòng Luật sư số 1- Vĩnh Phúc; địa chỉ số 34A, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có đơn xin xét xử mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày:

Do bà Nguyễn Thị T có mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Hồng T1 và anh T1 đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị T để làm ăn; nên ngày 06 tháng 11 năm 2018 hai bên thống nhất chốt lại công nợ; theo sự thỏa thuận của hai bên, anh T1 còn nợ của bà T số tiền gốc là 1.960.000.000đồng; (*Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng*), hai bên viết giấy tờ vay nợ cụ thể bằng “Hợp đồng vay tiền”; căn cứ vào hợp đồng ngày 06 tháng 11 năm 2018 thì anh T1 còn nợ của bà T số tiền là

1.960.000.000đồng; thời hạn trả nợ là ngày 11 tháng 11 năm 2018; việc viết giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, không có tài sản thế chấp; anh T1 đã ký vào bên B – “Bên vay tiền Nguyễn Hồng T1”; tuy nhiên kể từ khi đến hạn đến nay, anh T1 chưa trả cho bà T đầy đủ, đúng hạn như hợp đồng; mặc dù bà T đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh T1 phải trả nợ.

Tại đơn khởi kiện và buổi hòa giải lần thứ nhất bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hồng T1 phải trả số tiền gốc là 1.960.000.000đồng, (*Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng*), tiền lãi từ ngày 06 tháng 11 năm 2018, đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 là 392.000.000đồng (*Ba trăm chín hai triệu đồng*); tổng cộng là 2.352.000.000đồng (*Hai tỷ ba trăm năm mươi hai triệu đồng*) và tiếp tục chịu lãi suất 1%/tháng cho đến khi thanh toán xong và xác định chị Nguyễn Thị Hồng L - vợ anh T1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; tại buổi hòa giải ngày 03 tháng 3 năm 2021 và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn xác định, quá trình thực hiện hợp đồng thì anh T1 đã trả cho bà T số tiền là 540.000.000đồng; do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu anh Nguyễn Hồng T1 phải trả số tiền gốc là 1.420.000.000đồng (*Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng*) và yêu cầu anh T1 phải chịu lãi suất 0,75%/tháng; thời điểm tính lãi bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày Tòa án xét xử là 02 năm 03 tháng 24 ngày bằng số tiền lãi là 296.070.000đồng (*Hai trăm chín sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*); tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu anh T1 phải trả nợ là 1.716.070.000đồng (*Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*) và tiếp tục chịu lãi suất 0,75%/tháng trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong; đồng thời xác định chị Nguyễn Thị Hồng L không liên quan đến khoản nợ trên.

Bị đơn là anh Nguyễn Hồng T1 vắng mặt tại phiên tòa xong quá trình giải quyết, anh trình bày: Anh xác nhận quá trình vay vốn, trả nợ như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng; đến hôm nay anh thừa nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị T số tiền 1.420.000.000đồng theo “Hợp đồng vay tiền” ngày 06 tháng 11 năm 2018; đối với yêu cầu trả lãi của số tiền vay, tuy trong giấy tờ vay tiền không đề cập đến lãi suất, xong anh chấp nhận với mức lãi suất bà T và người đại diện hợp pháp của bà T đưa ra là 0,75%/tháng, kể từ ngày vay; xong do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh đề nghị xin miễn, không phải trả lãi cho bà T để anh có điều kiện trả nợ gốc; anh cũng không trả ngay được theo yêu cầu của bà T mà anh xin trả nợ dần từng kỳ, khi anh đi làm trở lại và có thu nhập để trả nợ cho bà T và phải chờ bố mẹ anh chuyển nhượng được diện tích đất cho người khác anh mới có điều kiện trả tiền cho bà T.

Mặc dù giấy Hợp đồng vay tiền có ghi tên vợ anh là Nguyễn Thị Hồng L, xong chị L không liên quan đến số tiền này, chỉ một mình anh chịu trách nhiệm.

Tại văn bản số 116/VKS -DS, ngày 23 tháng 3 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thông báo không cử Kiểm sát viên tham gia phiên tòa để xét xử đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định ngày 06 tháng 11 năm 2018 hai bên lập “Hợp đồng vay tiền” với số tiền gốc là 1.960.000.000đồng; (*Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng*), thời hạn trả nợ là ngày 11 tháng 11 năm 2018, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã khởi kiện đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên quan hệ pháp luật mà Tòa án giải quyết là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị đơn - anh Nguyễn Hồng T1 chấp hành đầy đủ thông báo, giấy triệu tập; sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt cho anh T1; tuy nhiên anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định ngày 06 tháng 11 năm 2018 hai bên có lập “Hợp đồng vay tiền” để bị đơn xác nhận vay số tiền 1.960.000.000đồng, thời hạn trả nợ là ngày 11 tháng 11 năm 2018, do các đương sự đều thừa nhận và xác nhận sự việc này là đúng nên đây là tình tiết, sự kiện, tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3.1] Tại đơn khởi kiện, những lần làm việc ban đầu nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 1.960.000.000đồng; (*Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 06 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 là 392.000.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.352.000.000đồng và tiếp tục chịu lãi suất 1%/tháng cho đến khi thanh toán xong, đồng thời xác định chị Nguyễn Thị Hồng L, vợ anh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên tại Đơn đề nghị xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 1.420.000.000đồng và chịu mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ

ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày Tòa án xét xử là 0,75%/ tháng, bằng số tiền là 296.070.000đồng (*Hai trăm chín sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*); tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu anh T1 phải trả nợ là 1.716.070.000đồng (*Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*) và tiếp tục phải chịu lãi suất 0,75%/tháng trên số nợ gốc chưa trả, cho đến khi thanh toán xong và xác định chị Nguyễn Thị Hồng L không liên quan gì đến khoản nợ này, mặc dù trong Hợp đồng vay tiền có ghi tên chị L. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là thực tâm, tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đòi bị đơn phải trả số tiền gốc là 1.420.000.000đồng và lãi suất 0,75%/tháng của số tiền 1.420.000.000đồng từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày Tòa án xét xử và tiếp tục chịu lãi suất 0,75%/ tháng đối với số tiền chưa trả cho đến khi thanh toán xong. Bị đơn chấp nhận và xác nhận số nợ gốc và chấp nhận mức lãi suất do nguyên đơn đưa ra xong không đưa ra được phương án và ấn định được ngày trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại “Hợp đồng vay tiền”, ngày 06 tháng 11 năm 2018 đã ấn định ngày trả nợ là 11 tháng 11 năm 2018 và không thỏa thuận lãi suất, xong bị đơn đã vi phạm thời hạn nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 1.420.000.000 đồng và chịu mức lãi suất là 0,75%/tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018 đến ngày xét xử là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Như vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.420.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 10.650.000đồng/tháng x 02 năm 03 tháng 24 ngày bằng số tiền lãi là 296.070.000đồng (*Hai trăm chín sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*); tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu anh T1 phải trả cho bà T là 1.716.070.000đồng (*Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*); sau khi xét xử do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc với mức là 0,75%/tháng; xét thấy yêu cầu về mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện là 63.482.000đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Nguyễn Hồng T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.716.070.000đồng (*Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*); Trong đó số nợ gốc là 1.420.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng*) số tiền lãi tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2021 là 296.070.000đồng (*Hai trăm chín sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*); theo “Hợp đồng vay tiền” ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu anh Nguyễn Hồng T1 chưa trả số tiền trên cho bà Nguyễn Thị T thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất 0,75%/tháng tương ứng với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hồng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.482.000đồng (*Sáu mươi ba triệu bốn trăm tám hai nghìn đồng*); bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí; hoàn trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.000.000đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/09901 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

3. Quyền kháng cáo bản án: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tám

